

Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 05 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 09 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc H sinh năm 1984; địa chỉ xóm 6, xã K, huyện Yên Khanh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị D sinh năm 1990; địa chỉ xóm 6, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 09 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/09/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Ngọc H và chị Đỗ Thị D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Cả anh H và chị D đều trình bày vợ chồng có 02 con là cháu Vũ Phương C sinh ngày 24/07/2009 và cháu Vũ Phương L sinh ngày 09/06/2011. Anh H và chị D thỏa thuận giao cháu C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L được sống chung với chị D và anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu L; chị D không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu L.

Chị D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu C được sống chung với anh H và chị D có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu C; anh H không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc cháu C.

Về tài sản: Anh H và chị D đều trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí ly hôn: Anh H và chị D thỏa thuận anh H chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002253 ngày 17/09/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện YK, anh H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực